

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KẾ TOÁN MÔI TRƯỜNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Văn Nhân

Trường Đại học Lao động - Xã hội (CSII)

nhantaichinhketoan@gmail.com

Tóm tắt: Ngày nay, việc đẩy mạnh tái cấu trúc và thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững ngày càng đặt ra cho Việt Nam nhiều thử thách đối với vấn đề môi trường. Trong đó, kế toán môi trường được nhìn nhận như là một công cụ hữu ích trong việc cung cấp các thông tin về môi trường, làm cơ sở cho các nghĩa vụ bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, cũng như mức độ thỏa mãn các tiêu chuẩn hoặc quy định về môi trường. Trên cơ sở phân tích và kế thừa các tài liệu, các công trình nghiên cứu, bài viết đưa ra cơ sở lý luận về khái niệm kế toán môi trường và hệ thống kế toán kinh tế môi trường (SEEA), cụ thể là yếu tố chi phí môi trường. Bên cạnh đó, bài viết cũng đánh giá tầm quan trọng của kế toán môi trường trong phát triển kinh tế, thực trạng áp dụng tại các doanh nghiệp Việt Nam và đưa ra những đề xuất nhằm hoàn thiện tại Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: kế toán môi trường, doanh nghiệp, Việt Nam, hệ thống kế toán kinh tế môi trường

PRESENT STATUS AND SOLUTIONS FOR ADVANCING ENVIRONMENTAL ACCOUNTING IN VIETNAMESE BUSINESSES

Abstract: Today, the promotion of restructuring and the advancement of rapid and sustainable economic growth are presenting numerous environmental challenges for Vietnam. Environmental accounting is increasingly recognized as a valuable tool for providing environmental information, serving as a foundation for businesses' environmental protection responsibilities, and assessing compliance with environmental standards and regulations. Drawing from an analysis of existing documents and research, this article establishes a theoretical framework for understanding environmental accounting and the System of Environmental Economic Accounting (SEEA), with a specific focus on environmental cost factors. Furthermore, the article assesses the significance of environmental accounting in economic progress, examines the current status of environmental accounting implementation in Vietnamese enterprises, and offers recommendations for enhancing environmental accounting practices in Vietnam in the coming time.

Keywords: Environmental accounting, business, Vietnam, environmental economic accounting system

Mã bài báo: JHS - 173

Ngày nhận bài sửa: 03/02/2024

Ngày nhận bài: 09/01/2024

Ngày duyệt đăng: 20/2/2024

Ngày nhận phản biện: 20/01/2024

1. Giới thiệu

Theo xu hướng phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề phát triển bền vững, cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường trở thành xu hướng và mục tiêu chung của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Chính phủ các nước đã đặt ra các yêu cầu về bảo vệ môi trường ngày càng chặt chẽ, buộc các doanh nghiệp phải thay đổi cách nhìn nhận về vấn đề môi trường khi tiến hành các hoạt động đầu tư hoặc sản xuất kinh doanh. Chính sách này đòi hỏi các doanh nghiệp (DN) phải thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường như phải hạn chế chất thải, làm sạch chất thải hoặc phải bồi thường thiệt hại khi gây ra sự cố về môi trường. Nói cách khác, trong việc thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, một doanh nghiệp hoặc các tổ chức bên ngoài có thể xác định và đo lường chính xác các khoản đầu tư và chi phí liên quan đến các hoạt động bảo vệ môi trường. Bằng cách đó, có thể hiểu rõ về lợi ích, tiềm năng của các khoản đầu tư và chi phí này, công ty không chỉ cải thiện hiệu quả hoạt động mà còn có thể ra quyết định kịp thời, hợp lý cho những vấn đề về môi trường. Trong bối cảnh trên, kế toán môi trường (KTMT) ra đời nhằm hỗ trợ các DN thực hiện nghĩa vụ với môi trường trong quá trình sản xuất - kinh doanh. Ngoài sản xuất các sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu thị trường, các DN còn phải tạo ra các sản phẩm thân thiện với môi trường, đảm bảo quá trình xử lý các đầu ra khác theo đúng quy định. KTMT có ý nghĩa quan trọng trong việc hỗ trợ các bên liên quan nắm được tình trạng thực tế của DN khi sử dụng tài nguyên môi trường cho hoạt động sản xuất - kinh doanh. Từ đó, KTMT cung cấp những thông tin giúp ban quản lý đưa ra những quyết định hiệu quả để đạt được và duy trì quản lý kinh doanh hợp lý. Do vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá tầm quan trọng của KTMT trong sự phát triển chung của nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam, thực trạng áp dụng KTMT tại các DN Việt Nam và đưa ra những đề xuất nhằm phát triển KTMT tại Việt Nam trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp cơ bản sau:

- Phương pháp mô tả, diễn giải: Dùng để mô tả, diễn giải các nội dung liên quan đến KTMT, mô tả tầm quan trọng, thực trạng và giải pháp để phát triển KTMT cho các DN Việt Nam hiện nay.
- Phương pháp tổng hợp, so sánh: Dùng để tổng hợp các số liệu thứ cấp từ các website cũng như các

bài viết, phương pháp so sánh các số liệu liên quan đến KTMT và một số nội dung liên quan để từ đó có cơ sở để xuất các giải pháp phát triển KTMT trong thời gian tới.

- Phương pháp phân tích, đánh giá: Dùng để phân tích đánh giá thực trạng và đưa ra những giải pháp nhằm phát triển KTMT trong tương lai.

3. Cơ sở lý thuyết

3.1. Tổng quan về kế toán môi trường

Hiện nay, chưa có một định nghĩa thống nhất về kế toán môi trường. Theo Liên đoàn Kế toán quốc tế (IFAC), kế toán môi trường là một thuật ngữ có nghĩa rộng, mang nhiều hàm ý, như: việc đánh giá và công bố thông tin môi trường, kết hợp thông tin tài chính trong kế toán và báo cáo tài chính; Đánh giá và sử dụng thông tin liên quan môi trường dưới hình thức đơn vị tiền tệ và đơn vị vật chất trong KTMT; Việc ước tính chi phí và tác động môi trường bên ngoài DN, thường liên quan kế toán chi phí đầy đủ; Kế toán nguồn lực và dòng luân chuyển của các tài nguyên thiên nhiên dưới dạng đơn vị tiền tệ và đơn vị vật chất (kế toán tài nguyên thiên nhiên) ...

Theo Cơ quan Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc (UNSD, 2003) thống nhất giữa các nhóm chuyên gia đến từ 30 quốc gia đã đưa ra định nghĩa: “Hạch toán quản lý môi trường là việc nhận dạng, thu thập, phân tích và sử dụng loại thông tin cho việc ra quyết định nội bộ. Thông tin vật chất (phi tiền tệ) về sử dụng, luân chuyển và thải bỏ năng lượng, nước và nguyên vật liệu (bao gồm chất thải) và thông tin tiền tệ về các chi phí, lợi nhuận và tiết kiệm liên quan đến môi trường”.

Về cơ bản, KTMT tìm kiếm và cung cấp các thông tin quan trọng, cần thiết về chi phí và doanh thu có liên quan đến môi trường; Hướng dẫn các DN, các chủ dự án trong các quyết định kinh tế; Khuyến khích họ nỗ lực trong việc sử dụng tài nguyên, kể cả tài nguyên thiên nhiên do con người tạo ra một cách có hiệu quả và hạn chế tối đa sự hủy hoại môi trường, hạn chế rác thải và sự ô nhiễm, thay đổi các hành vi đối xử với môi trường sống.

KTMT tập trung vào việc hạch toán những vấn đề có liên quan đến môi trường, cụ thể là hạch toán dòng vật liệu, hạch toán chi phí, thu nhập liên quan đến môi trường, phân tích chu kỳ sống sản phẩm, đánh giá trách nhiệm trong việc quản lý môi trường, đánh giá hiệu quả của việc quản lý và bảo vệ môi trường... nhằm cung cấp thông tin chủ yếu cho các nhà quản trị trong nội bộ DN.

3.2. Tầm quan trọng của kế toán môi trường

Theo Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (USEPA) thì KTMT là một trong những chiến lược để đánh giá khía cạnh môi trường trong phát triển bền vững. Những chiến lược này khác nhau về mức độ, khả năng so sánh giữa các chỉ số về năng lượng, nước, vật liệu và dòng chảy gây ô nhiễm. Theo Gauthier và cộng sự (1997), KTMT trong DN là một bộ phận của kế toán liên quan đến các vấn đề môi trường và không thể tách rời khỏi kế toán tài chính và kế toán quản trị; đó là hệ thống thông tin cho phép thu thập, phân tích dữ liệu, kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động, ra quyết định và quy trách nhiệm cho các nhà quản lý đối với các chi phí và rủi ro môi trường.

Theo IFAC (2005), KTMT là một thuật ngữ rộng được sử dụng trong một số bối cảnh kế toán khác nhau: báo cáo và kế toán tài chính; kế toán quản trị; kế toán chi phí đầy đủ; kế toán tài nguyên, báo cáo và kế toán quốc gia; kế toán bền vững. Ở cấp độ tổ chức, KTMT phân thành kế toán quản trị (đánh giá thiết bị kiểm soát ô nhiễm và doanh thu từ vật liệu tái chế; tiết kiệm tiền hàng năm từ thiết bị tiết kiệm năng lượng mới) và kế toán tài chính đánh giá và báo cáo nợ phải trả liên quan đến môi trường).

Mặc dù còn một số khác biệt trong quan điểm nhìn nhận KTMT giữa các tổ chức, cá nhân nhưng thông qua các khái niệm trên, ta có thể hiểu KTMT là một bộ phận trong hệ thống kế toán, sử dụng khuôn khổ lý thuyết và phương pháp kế toán mới để ghi nhận, đo lường và công bố thông tin về tài chính môi trường và thông tin phi tài chính môi trường nhằm hỗ trợ hữu ích cho việc ra quyết định của các bên liên quan trong và ngoài DN.

- Chi phí bảo vệ môi trường: Các khoản đầu tư và chi phí liên quan đến việc ngăn ngừa, giảm thiểu hoặc phòng tránh tác động đến môi trường, loại bỏ tác động đó và phục hồi sau thiên tai và các hoạt động khác.

- Lợi ích bảo tồn môi trường [Đơn vị vật lý]: Lợi ích thu được từ việc ngăn ngừa, giảm thiểu hay tránh tác động môi trường, loại bỏ tác động, phục hồi sau khi xảy ra thảm họa và các hoạt động khác.

- Lợi ích kinh tế liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường [Giá trị tiền tệ]: Lợi ích tăng lên của lợi nhuận DN do kết quả của việc bảo vệ môi trường.

Theo Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ (USEPA), chi phí môi trường được chia thành 4

loại: Chi phí truyền thống, chi phí tiềm ẩn, chi phí dự phòng, chi phí hình ảnh và mối quan hệ.

Theo Ủy ban Liên hợp quốc về Phát triển bền vững (UNSD), chi phí môi trường chia thành 4 loại: Chi phí xử lý chất thải và khí thải liên quan đến đầu ra phi sản phẩm, chi phí phòng ngừa và quản lý môi trường, chi phí vật liệu liên quan đến đầu ra phi sản phẩm và chi phí chế biến liên quan đến đầu ra phi sản phẩm.

Theo Cục Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ (EPA), chi phí môi trường gồm 7 loại: Chi phí khu vực kinh doanh, chi phí thượng nguồn/ hạ nguồn, chi phí quản lý, chi phí R&D, chi phí hoạt động xã hội, chi phí xử lý ô nhiễm môi trường và chi phí khác.

Theo IFAC (2005), chi phí môi trường gồm 2 loại: Chi phí môi trường bên ngoài DN và chi phí môi trường bên trong DN. Cụ thể như sau:

- Chi phí khu vực kinh doanh: Chi phí này dành cho các hoạt động nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường xảy ra trong khu vực kinh doanh do hoạt động kinh doanh.

- Chi phí thượng nguồn/hạ nguồn: Chi phí phát sinh ở thượng nguồn và hạ nguồn tại khu vực kinh doanh, hoặc bất kỳ chi phí nào liên quan cho mục đích giảm thiểu tác động đến môi trường.

- Chi phí quản lý: Những chi phí này được định nghĩa là những chi phí dành cho việc quản lý các hoạt động bảo vệ môi trường và góp phần gián tiếp vào việc giảm thiểu các tác động đến môi trường do hoạt động kinh doanh và cả chi cho truyền thông bên ngoài.

- Chi phí R&D: Chi phí chi cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển được phân bổ cho bảo tồn môi trường.

- Chi phí hoạt động xã hội: Chi phí liên quan đến các hoạt động bảo tồn môi trường mà một nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững công ty có thể thực hiện như một phần hoạt động xã hội nhưng không liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.

- Chi phí xử lý ô nhiễm môi trường: Các chi phí tiềm ẩn này được phân bổ để phục hồi sự suy thoái môi trường do hoạt động kinh doanh các hoạt động.

- Chi phí khác: Một số chi phí môi trường khác chưa được đề cập bên trên.

Trong hạch toán, hệ thống kế toán kinh tế môi trường (SEEA) là tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên về hạch

toán kinh tế - môi trường, cung cấp một khuôn khổ để tổ chức và trình bày các số liệu thống kê về môi trường và mối quan hệ với nền kinh tế. Nó tập hợp thông tin kinh tế và môi trường trong một tập hợp các khái niệm, định nghĩa, phân loại, quy tắc kế toán và bảng tiêu chuẩn thống nhất để tạo ra các số liệu thống kê có thể so sánh quốc tế. SEEA được sản xuất và phát hành dưới sự bảo trợ của Liên hợp quốc, Ủy ban châu Âu, Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, Quỹ Tiền tệ Quốc tế và Nhóm Ngân hàng Thế giới. Trong đó khung trung tâm SEEA (SEEA CF) đã được thông qua bởi Ủy ban Thống kê của Liên hợp quốc như là tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên cho hạch toán kinh tế môi trường vào năm 2012. SEEA CF tập trung vào “tài sản môi trường”, chẳng hạn như các nguồn tài nguyên nước, tài nguyên năng lượng, rừng, thủy sản, việc sử dụng chúng trong nền kinh tế và trở lại môi trường dưới dạng chất thải, khí thải và nước.

Như vậy, KTMT không chỉ thông qua vai trò có tính truyền thống là ghi chép và báo cáo các thông tin tài chính, mà còn phải thể hiện được vai trò của kế toán như là một công cụ trợ giúp hữu hiệu cho các nhà quản lý trong quản trị các vấn đề môi trường trong phạm vi từng đơn vị kinh tế. Việc áp dụng những biện pháp bảo vệ môi trường và KTMT sẽ làm tăng chi phí nhưng lại giúp DN thu được một số lợi ích:

- *Lợi ích thứ nhất* là thu nhập tăng từ tiết kiệm nước, năng lượng, nguyên liệu sử dụng, giảm chất thải, giảm chi phí xử lý chất thải. Nói cách khác, việc áp dụng những biện pháp bảo vệ môi trường và áp dụng KTMT sẽ dẫn đến tiết kiệm chi phí nguyên liệu, năng lượng, nước, tiết kiệm chi phí xử lý chất thải, giúp cho các DN đưa ra quyết định thay đổi về kỹ thuật, về hệ thống tổ chức quản lý, về chiến lược sản phẩm theo hướng sản phẩm xanh, về sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường. Từ đó, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh gắn với hiệu quả của bảo vệ môi trường.

- *Lợi ích thứ hai* của DN khi áp dụng hệ thống KTMT là cải thiện được hình ảnh DN, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của DN với các đối thủ bởi các DN có hệ sinh thái sản xuất sạch hơn, tốt hơn sẽ đem sản phẩm thân thiện với môi trường và chất lượng hơn. Ngoài ra, việc thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, DN sẽ được Nhà nước có chính sách hỗ trợ và ưu đãi trong việc tạo điều kiện cho DN phát triển.

4. Thực trạng về việc áp dụng kế toán môi trường trong các doanh nghiệp Việt Nam thời gian qua

4.1. Về môi trường pháp lý

Trong xu thế xây dựng nền kinh tế xanh do Liên hợp quốc phát động năm 2010, Việt Nam đã có cách nhìn, tư duy mới trong lộ trình phát triển kinh tế đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh, ổn định và thân thiện với môi trường. Nhà nước đã ban hành các quy định mang tính pháp lý, để hạn chế sự khai thác quá mức nguồn tài nguyên thiên nhiên, phục vụ cho sự phát triển kinh tế, xã hội, đồng thời hạn chế tối đa các hành vi vi phạm, hủy hoại môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

Cụ thể, Quốc hội đã ban hành Luật Môi trường lần đầu vào năm 1993 và Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi vào năm 2005. Tiếp đó, ngày 15/11/2010, Luật Thuế bảo vệ môi trường đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XII. Trên cơ sở đó, ngày 08/8/2011, Chính phủ ban hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP quy định về đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế, khai thuế, tính thuế, nộp thuế và hoàn thuế bảo vệ môi trường; Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn thi hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP. Ngày 28/9/2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 159/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 152/2011/TT-BTC; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

Dù cơ quan quản lý nhà nước đã quan tâm đến bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, tuy nhiên trên thực tế, việc áp dụng KTMT ở Việt Nam hiện đang gặp phải không ít khó khăn. Theo các chuyên gia kế toán, Việt Nam hiện chưa ban hành chế độ kế toán có liên quan đến việc tổ chức KTMT trong DN. Chế độ hiện hành chưa có các văn bản hướng dẫn DN trong việc bóc tách và theo dõi chi phí sản xuất - kinh doanh, chưa có các tài khoản cần thiết để hạch toán các khoản chi phí môi trường, cũng như doanh thu hay thu nhập trong trường hợp DN có hệ thống xử lý chất thải bán quyền thải ra môi trường cho các DN cùng ngành (nếu có).

Ngoài ra, hầu hết các DN chưa có sự quan tâm đúng mực về thông tin KTMT và phi tài chính môi trường (chính sách môi trường, cam kết tuân thủ các

quy định môi trường, mục tiêu môi trường), thông tin vật lý môi trường (khối lượng chất thải, dòng luân chuyển vật liệu). Điều này dẫn đến việc xác định và phân tích chỉ số hiệu quả môi trường còn hạn chế khi thiếu tính liên kết giữa thông tin vật lý môi trường và thông tin tiền tệ môi trường nên DN chưa thể đánh giá đúng đắn hiệu quả sinh thái, kinh tế.

4.2. Thực trạng doanh nghiệp áp dụng kế toán môi trường

Việc thực hiện KTMT tại các DN Việt Nam hiện nay chủ yếu dựa trên việc tuân thủ các quy định về môi trường chứ không xuất phát từ sự chủ động, tìm tòi, sáng tạo những giải pháp cho việc thực hiện KTMT trở nên hiệu quả, có tính thực tế. Chính vì thế, các báo cáo, thông tin môi trường cung cấp ra bên ngoài chưa được trình bày tập trung, thiếu tính chính xác nên gây khó khăn cho người sử dụng thông tin.

Các khoản chi phí và thu nhập này cũng chưa thể hiện trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chưa giải trình cụ thể trên thuyết minh báo cáo tài chính nên việc đánh giá hiệu quả kinh doanh của DN là chưa đầy đủ và chính xác. Ngoài ra, có rất nhiều chi phí liên quan đến môi trường đang phản ánh chung trong các tài khoản chi phí quản lý, khiến các nhà quản lý kinh tế khó phát hiện quy mô và tính chất của chi phí môi trường nói chung và từng khoản chi phí môi trường nói riêng.

Ngay cả trên các tài khoản kế toán cũng chưa ghi nhận các chi phí đáng kể liên quan đến môi trường như: chi phí sửa chữa, đền bù, chi phí khắc phục sự cố và chi phí dọn dẹp, xử lý trong các vụ tai nạn, hủy hoại môi trường sinh thái, môi trường sống. Điều này dẫn đến một thực trạng rất đáng báo động ở Việt Nam, đó là DN “thoải mái” gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất - kinh doanh, bởi thực tế vẫn chưa có cơ sở cụ thể để xác định rõ trách nhiệm của DN đối với môi trường và đời sống của người dân xung quanh.

4.3. Một số nội dung khác liên quan đến kế toán môi trường

Công tác đào tạo về KTMT ở Việt Nam vẫn còn hạn chế, chưa xây dựng được một đội ngũ kế toán viên chuyên nghiệp về lĩnh vực môi trường. Trong khi đó, hiệp hội nghề nghiệp về kế toán chưa phối hợp được với các cơ quan, tổ chức về môi trường để xây dựng nên một quy trình, phương pháp riêng đối với KTMT. Việt Nam hiện cũng chưa xây dựng được

một ngân hàng dữ liệu về môi trường quốc gia (tài nguyên nước, khoáng sản, rừng; các công nghệ xử lý chất thải; các bộ tiêu chuẩn môi trường trong từng ngành, lĩnh vực) làm cơ sở cho quá trình hạch toán.

5. Một số giải pháp phát triển kế toán môi trường trong các doanh nghiệp Việt Nam thời gian tới

KTMT tuy đã phổ biến trên thế giới, song vẫn còn mới mẻ đối với Việt Nam. Để KTMT phát huy được vai trò trong hoạt động của DN Việt Nam trong thời gian tới, cần chú trọng một số giải pháp sau:

Thứ nhất, việc tổ chức công tác KTMT tại Việt Nam chưa được các DN quan tâm do chưa có các văn bản cụ thể do Nhà nước quy định. Do vậy, Nhà nước cần sớm ban hành các quy định về tổ chức công tác KTMT, hệ thống tài khoản sử dụng, cũng như việc hạch toán, báo cáo kế toán về thu nhập, chi phí từ việc bảo vệ môi trường của DN. Trong trường hợp cần thiết, có thể áp dụng các chế tài mang tính bắt buộc để việc thực hiện KTMT tại DN được đảm bảo, trên cơ sở đó Nhà nước có thể kiểm soát tốt hơn công tác bảo vệ môi trường của DN.

Thứ hai, tăng cường công tác hỗ trợ, tuyên truyền các DN về KTMT, làm rõ lợi ích đạt được từ việc quản lý chi phí bảo vệ môi trường, cũng như đánh giá lợi ích do công tác bảo vệ môi trường đem lại.

Thứ ba, nội dung KTMT toán môi trường cần được xem xét đưa vào chương trình đào tạo tại các trường kinh tế, đặc biệt là chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán ở các bậc đại học, cao học, từ đó giúp chúng ta xây dựng được một đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường, mang đến sự phát triển bền vững cho DN Việt Nam.

Thứ tư, về phía DN, phương án tức thời giúp DN dễ dàng hơn trong việc tập hợp những khoản chi phí liên quan đến chi phí môi trường nhằm lập hệ thống báo cáo chính xác, kịp thời, đầy đủ. DN có thể tham khảo áp dụng SEEA. Đây là khung trung tâm đã được Liên hợp quốc thông qua vào năm 2012 với tư cách là một tiêu chuẩn. Mục tiêu chính là chỉ ra mối liên hệ giữa tài khoản con, thay vì thay thế hoàn toàn các phương pháp kế toán hiện tại. SEEA có thể tập hợp thông tin về nước, khoáng sản, năng lượng, gỗ, cá, đất và hệ sinh thái, ô nhiễm và chất thải, sản xuất. Cốt lõi của khung công nhận 4 loại tài khoản:

+ “Tài khoản dòng vật chất” đại diện cho các dòng năng lượng và vật chất trong môi trường và nền kinh

tế và được thể hiện theo đơn vị năng lượng hoặc khối lượng.

+ “Tài khoản chức năng” cho các giao dịch môi trường liên quan đến các giao dịch tài chính gắn với bảo vệ môi trường và Quản lý tài nguyên.

+ “Tài khoản tài sản theo điều kiện vật chất và tiền tệ” ghi lại các cổ phiếu và dòng chảy tài nguyên thiên nhiên cho mỗi kỳ kế toán.

+ “Tài khoản hệ sinh thái” đại diện cho thứ tự và vẫn đang thử nghiệm cách tiếp cận kế toán cố gắng nắm bắt thông tin về mức độ duy trì tính toàn vẹn của hệ sinh thái (hoặc vốn tự nhiên) trong quá trình tạo ra hàng hóa và dịch vụ.

Thứ năm, các DN cần chủ động thay đổi nhận thức và trách nhiệm xã hội của mình đối với vấn đề môi trường. Các nhà quản trị DN cần thường xuyên quan tâm cập nhật và thực hiện KTMT trong các DN, nhất là đối với các DN sản xuất; chú trọng đầu tư nguồn lực tài chính và nhân lực cho bộ máy kế toán, trong đó có KTMT.

Bên cạnh đó, cần chú trọng đầu tư nguồn lực tài chính cho bộ máy kế toán, trong đó có KTMT. Trong giai đoạn đầu, nên được thử nghiệm công tác KTMT tại một dây chuyền hoặc một bộ phận trước khi tiến hành áp dụng đại trà cho toàn bộ DN. Các DN xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn có tính

đến các tác động của các tiêu chuẩn và quy định môi trường của sản phẩm.

6. Kết luận

KTMT là lĩnh vực đang được cả thế giới quan tâm, nghiên cứu trong nhiều thập kỷ qua. KTMT là cầu nối giữa doanh nghiệp - xã hội và phát triển bền vững nhờ việc ghi chép, xử lý và cung cấp thông tin môi trường cho các đối tượng liên quan, tăng ý thức và giảm tác động xấu tới môi trường xung quanh.

Trên thế giới, rất nhiều tài liệu trên các khía cạnh khác nhau trong quá trình xử lý thông tin đến cung cấp thông tin về KTMT đã được xuất bản. Tuy nhiên, ở Việt Nam, KTMT vẫn là một chủ đề khá mới và các công trình nghiên cứu còn hạn chế. Một số nghiên cứu trước tại Việt Nam chưa bao quát hết các khía cạnh trong xử lý thông tin, đề cập tản mạn về KTMT chủ yếu dưới góc độ quản trị chi phí môi trường mà chưa có sự đánh giá về yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện KTMT cũng như chưa thể hiện một khuôn khổ KTMT toàn diện và tập trung.

Bài viết đã trình bày tổng quan về KTMT, chi phí môi trường, tầm quan trọng của KTMT đối với các DN Việt Nam, nêu rõ thực trạng về việc áp dụng KTMT đối với các DN thời gian qua. Qua đó, đưa ra những giải pháp thiết thực nhất nhằm phát triển KTMT cho các DN trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chính phủ. (2011). *Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 8 tháng 8 năm 2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Bảo vệ môi trường*.
- Hồng, N.T.T. (2018). *Sự cần thiết áp dụng kế toán môi trường trong Kế toán Việt Nam*. Truy cập tại <http://www.hoiketoanhcm.org.vn/vn/trao-doi/su-can-thiet-ap-dung-ke-toan-moi-truong-trong-ke-toan-viet-nam/>
- Hà, N. T. & Mai. L.N. (2020). *Kế toán môi trường tại các doanh nghiệp và một số đề xuất*. *Tạp chí Tài chính*, <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/ke-toan-moi-truong-tai-cac-doanh-nghiep-va-mot-so-de-xuat-329714.html>
- International Federation of Accountants IFAC. (2005). *Environmental management accounting*. <https://www.ifac.org/system/files/publications/files/international-guidance-docu-2.pdf>
- IFAC. (2005). *International Guidance Document: Environmental management accounting*. New York, USA.
- Nam, P. H. (2016). *Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất, nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trên địa*
- bàn tỉnh Quảng Ngãi. Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Tài chính.
- Nga, N.T. (2017). *Kế toán quản trị chi phí môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất thép tại Việt Nam*. Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Quốc hội. (2010). *Luật số 57/2010/QH12: Luật Thuế Bảo vệ môi trường, ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2010*.
- Tuyền, N.T.K. (2020). *Kế toán môi trường tại các doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định*. Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
- Tâm, L. T. (2017). *Nghiên cứu kế toán quản trị chi phí môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất gạch tại Việt Nam*. Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- UNSD. (2003). *Environmental Management Accounting Procedures and Principles*. <https://www.un.org/esa/sustdev/publications/proceduresandprinciples.pdf>
- SEEA. (2012). *United Nations, the European Commission, the Food and Agriculture Organization of the United Nations, the Organisation for Economic Co-operation and Development*. International Monetary Fund, the World Bank Group.